

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : LAPONITE-XL 21 XR

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Rheology Additive

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : BYK Additives Ltd.

Địa chỉ : Moorfield Road
WA8 3AA Widnes

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)
+65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Độc cấp tính (Da) : Cấp 5

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì

Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp ứng phó:**
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ
nếu cảm thấy không khỏe.**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Vật liệu có thể trơn khi ướt.

Không có thông tin.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất

Bản chất hóa học : Synthetic (modified) phyllosilicate

Thành phần nguy hiểm

Không có thành phần nguy hiểm

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc : Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành.

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

theo đường hô hấp		Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	:	Rửa sạch bằng xà bông và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng. Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài. Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước. Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	:	Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa. Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa. Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	:	Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	:	Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có. Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da.
Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	:	Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	:	Bọt Carbon đioxit (CO2) Hóa chất khô Hơi nước Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	:	Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	:	Sản phẩm không tự cháy. Vật liệu có thể trơn khi ướt.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	:	Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	:	Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	:	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh hít bụi. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi.
--	---	--

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

Nguyên liệu hoá chất có thể gây trơn trượt.
Chỉ người được trang bị các thiết bị bảo hộ thích hợp mới có thể tham gia.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Tránh tạo ra bụi.
Tránh hít bụi.

Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Cố gắng phòng tránh các vật liệu đi vào đường ống hoặc đường nước.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Thu gom và tiêu huỷ mà không tạo ra bụi bẩn.
Sử dụng máy hút bụi công nghiệp đủ tiêu chuẩn để loại bỏ.
Lọc bụi không khí hiệu ứng cao (Bộ lọc HEPA)
Các phương pháp làm sạch-vụ tràn đổ lớn
Làm lắng bụi bằng tia bụi nước.
Xúc vào một bình chứa thích hợp để tiêu huỷ.
Sau khi lau rửa, xả sạch các lượng còn sót lại bằng nước.
Các phương pháp làm sạch - vụ tràn đổ nhỏ
Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa thích hợp để tiêu huỷ.

Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu huỷ.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Tránh tạo ra bụi.

Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Vận hành ngoài trời hoặc tại nơi được thông gió tốt.
Không được hít hơi/bụi.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Tránh tiếp xúc kéo dài và nhiều lần với da.
Trong trường hợp thông khí không đầy đủ, phải đeo thiết bị hô hấp thích hợp.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Tránh tạo ra bụi.
Đóng chặt thùng chứa.
Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân
theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.**8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
Giữ nồng độ không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.
Bụi phải được tách trực tiếp tại điểm bắt đầu.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.

Bảo vệ tay

Ghi chú : Dùng kem bảo vệ da trước khi thao tác với sản phẩm. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.
Mang găng tay thích hợp.

Bảo vệ mắt : Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt.
Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp.
Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm.
Bộ quần áo bảo hộ không thấm bụi
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.
Không hút thuốc khi sử dụng.
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : bột
Màu sắc : màu trắng
Mùi đặc trưng : không mùi
Ngưỡng mùi : Không áp dụng được

Độ pH : 9,7
Nồng độ: 20 g/l
(như chất phân tán)

Điểm/ khoảng nóng chảy : Không áp dụng được

Điểm sôi/khoảng sôi : Không áp dụng được
Điểm cháy : Không áp dụng được

Tỷ lệ hóa hơi : Không áp dụng được

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không cháy.

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

Giới hạn trên của cháy nổ	: Không áp dụng được
Giới hạn dưới của cháy nổ	: Không áp dụng được
Áp suất hóa hơi	: Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	: Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	: 2,53 (20 - 21 °C)
Khối lượng riêng	: chưa có dữ liệu
Mật độ lớn	: 1.000 kg/m ³
Độ hòa tan	
Độ hòa tan trong nước	: không tan
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	
Độ nhớt, động lực	: Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Các điều kiện cần tránh	: Tiếp xúc với không khí hoặc hơi ẩm trong thời gian dài. chưa có dữ liệu
Vật liệu không tương thích	: Các axit mạnh và các chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**Độc cấp tính****Sản phẩm:**

Độc tính cấp theo đường
miệng : (Chuột, con cái): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 420
GLP: có

(Chuột, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn 67/548/EEC, Phụ lục V, B.1.

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

GLP: không

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 1660
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
GLP: có

LC0 (Chuột, Đực và cái): > 0,34 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 6 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn 67/548/EEC, Phụ lục V, B.2.
GLP: không

Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ, Đực và cái): > 2.000 mg/kg
GLP: có

Ăn mòn/kích ứng da**Sản phẩm:**

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: có

Loài: EPISKIN human epidermis skin constructs
Kết quả: Không gây kích ứng da
GLP: có

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**Sản phẩm:**

Loài: Bovine corneal opacity and permeability assay (BCOP)
Kết quả: Không gây kích ứng mắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 437
GLP: có

Kích thích hô hấp hoặc da**Sản phẩm:**

Loại kiểm nghiệm: Mouse Local Lymph Node assay (LLNA)
Đường tiếp xúc: Da
Loài: Chuột nhắt
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
Kết quả: Không gây kích ứng da.
GLP: có

Đánh giá: No acute effects have been observed.
Không gây miễn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**Sản phẩm:**

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
trong ống thí nghiệm Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

GLP: có

- : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính
GLP: có
- : Loại kiểm nghiệm: In vitro mammalian cell gene mutation test (mouse lymphoma)
Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hóa trao đổi chất
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476
Kết quả: Âm tính
GLP: có

Độc tính gây đột biến gen
trong cơ thể

: Ghi chú: chưa có dữ liệu

Đột biến tế bào mầm (tế bào
gen) - Đánh giá: Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy các tác
nhân gây đột biến.**Tác nhân gây ung thư****Sản phẩm:**

Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính sinh sản**Sản phẩm:**Ảnh hưởng đến khả năng
sinh sản

: Ghi chú: chưa có dữ liệu

Ảnh hưởng đến sự phát triển
của thai

: Ghi chú: chưa có dữ liệu

STOT - Tiếp xúc một lần**Sản phẩm:**Đánh giá: Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi
nhiễm đơn lẻ.**STOT - Tiếp xúc lặp lại****Sản phẩm:**Đánh giá: Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể,
phơi nhiễm nhiều lần.

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

Lượng độc lặp lại

Sản phẩm:

Lượng độc lặp lại - Đánh giá : No acute effects have been observed.
Không có các ảnh hưởng dai dẳng hoặc tích lũy nào được quan sát thấy.

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

chưa có dữ liệu

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có

Độc đối với tảo : ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
GLP: có

Độc tính đối với vi khuẩn : EC50 (Than hoạt tính): > 1.000 mg/l
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
GLP: có

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

Khả năng tích lũy sinh học**Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ
thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa
đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

LAPONITE-XL 21 XR

Mã sản phẩm: 000000000000134331

Phiên bản 2.1 SDS_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 2025/02/14

Ngày in 2025/02/21

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.